

Số: 03 /BC -THNQ

Dầu Tiếng , ngày 05 tháng 9 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Năm: 2024

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC

1. Tên cơ sở giáo dục TRƯỜNG TIỂU HỌC NGÔ QUYỀN

2. Địa chỉ

15 đường Độc Lập khu phố I thị trấn Dầu Tiếng , huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương. Điện thoại: 0274 3561312 (nhà trường)

Địa chỉ thư điện tử: thngoquyenldt.binhduong@moet.edu.vn Cổng thông tin điện tử: <http://thngoquyendt.sgdbinhduong.edu.vn/>

Loại hình của cơ sở giáo dục: Công lập

3. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

- *Sứ mạng:* Xây dựng môi trường học tập lành mạnh, thân thiện, tích cực, có nền nếp, kỷ cương, chất lượng thực chất để mỗi giáo viên và học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng, tư duy sáng tạo và kỹ năng ứng dụng của mình, thích ứng nhanh trong quá trình hòa nhập vào cuộc sống.

- *Tầm nhìn:* Xây dựng trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 3 và Chuẩn quốc gia (Mức độ 2), tiến tới phấn đấu đạt mức độ cao hơn. giáo dục học sinh phát triển toàn diện, có kỹ năng sống, năng động, sáng tạo, có ý chí vươn lên.

- *Mục tiêu:* Thực hiện hiệu quả Chương trình GDPT cấp tiểu học; tăng cường bảo đảm an toàn trường học. Đảm bảo duy trì ổn định chất lượng giáo dục toàn diện.

4. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường Tiểu học Ngô Quyền tọa lạc ngay trung tâm Thị trấn Dầu Tiếng có tổng diện tích đất là 13.737 m², được xây dựng gồm 2 dãy phòng học (mỗi dãy gồm 1 trệt và 2 lầu) với diện tích 2.366,01 m² / dãy, 2 dãy phòng hiệu bộ (mỗi dãy 1 trệt, 1 lầu) diện tích 670,68 m² / 1dãy. Hàng năm số học sinh đạt trên 1.000 em duy trì tổng số 30 lớp. Trường Tiểu học Ngô Quyền ngày nay được kế thừa và phát triển qua nhiều giai đoạn lịch sử. Từ năm 1975 đến năm 2004 Trường được mang nhiều tên gọi khác nhau: Trường cấp I Định Thành, Trường cấp I, II Định Thành, Trường Tiểu học Định Thành A. Cuối năm 2004 Trường được đổi tên thành Trường Tiểu học Ngô Quyền.

Tháng 4/2012 Trường Tiểu học Ngô Quyền được đón nhận Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương công nhận Trường đạt chuẩn quốc gia mức độ I – Quyết định số 891/QĐ-UBND. Từ đó đến nay, Trường tiếp tục duy trì thành quả

với sự quyết tâm cao của tập thể Cán bộ - Giáo viên- Nhân viên phấn đấu lại một lần nữa Trường được ủy ban nhân nhận tỉnh công nhận chuẩn quốc gia mức độ 2, đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 vào tháng 11 năm 2017 theo Thông tư 59/2012/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá, công nhận trường Tiểu học đạt mức chất lượng tối thiểu, Trường Tiểu học đạt chuẩn Quốc gia.

5. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử

- Hiệu trưởng: Lê Khắc Huệ Long
- Số điện thoại: 0902447206
- Gmail: longlkhthngoquen@dt.sgdbinhduong.edu.vn

6. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có)

Trường Tiểu học Ngô Quyền được thành lập Năm 2005; QĐ số 09/QĐ-UB, ngày 17/02/2005 của UBND huyện Dầu Tiếng

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

Hội đồng trường được thành lập theo Quyết định Hội đồng trường số 1768/QĐ-PGD&ĐT ngày 10/9/2024 của Trường phòng GD&ĐT huyện Dầu Tiếng. Hội đồng trường gồm 11 thành viên, cơ cấu gồm Hiệu trưởng là Chủ tịch hội đồng, Chủ tịch công đoàn, Bí thư đoàn, tổng phụ trách đội, các Phó Hiệu trưởng và các tổ trưởng chuyên môn mời 1 công chức phụ trách văn hóa tham gia hội đồng trường.

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục

QĐ bổ nhiệm HT số 52/QĐ-UBND ngày 25/01/2021 của Chủ tịch UBND huyện Dầu Tiếng

QĐ bổ nhiệm PHT 52 /QĐ-UBND ngày 25/01/2021 của Chủ tịch UBND huyện Dầu Tiếng

QĐ bổ nhiệm PHT 1600 /QĐ-UBND ngày 12/11/2021 của Chủ tịch UBND huyện Dầu Tiếng

Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

Trường TH Ngô Quyền là trường công lập do UBND huyện Dầu Tiếng thành lập và đầu tư xây dựng CSVC, đảm bảo kinh phí cho các nhiệm vụ chi thường xuyên; là cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân, có tư cách pháp

nhân, có con dấu riêng, thực hiện chương trình giáo dục Tiểu học do Bộ GDĐT ban hành. Tổ chức xây dựng và phát triển nhà trường theo các quy định của BGDDT và nhiệm vụ phát triển giáo dục của địa phương. Thực hiện nhiệm vụ Kiểm định chất lượng GD, thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

d) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục

- Hiệu trưởng: Lê Khắc Huệ Long

- Số điện thoại: 0902447206

- Gmail: longlkhthngoquen@dt.sgdbinhduong.edu.vn

7. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

Nhiệm vụ và quyền hạn của hiệu trưởng

Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường; lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch dạy học, giáo dục; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền.

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng thi đua khen thưởng; hội đồng kỉ luật, hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; cử giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.

Thực hiện các nhiệm vụ quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan quản lý giáo dục; xây dựng kế hoạch phát triển năng lực nghề nghiệp cho giáo viên, nhân viên; động viên và tạo điều kiện cho giáo viên và nhân viên tham gia các hoạt động đổi mới giáo dục; thực hiện đánh giá, xếp loại giáo viên, nhân viên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tham gia quá trình tuyển dụng, chuyển chuyển, sắp xếp giáo viên; tổ chức các bước giới thiệu nhân sự đề nghị cấp có thẩm quyền bổ nhiệm phó hiệu trưởng.

Quản lý, tiếp nhận học sinh, cho phép học sinh chuyển trường; quyết định kỉ luật, khen thưởng học sinh; phê duyệt kết quả đánh giá học sinh, danh sách học sinh lên lớp, lưu ban; tổ chức kiểm tra công nhận việc hoàn thành chương trình tiểu học cho học sinh trong nhà trường và các đối tượng khác trên địa bàn trường phụ trách.

Tổ chức triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; sách giáo khoa, nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Thực hiện quản lý, sử dụng và lựa chọn các xuất bản phẩm tham khảo sử dụng trong nhà trường theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tham gia sinh hoạt cùng tổ chuyên môn; tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, năng lực quản lý. Dự các lớp bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý; tham gia giảng dạy theo quy định về định mức tiết dạy đối với hiệu trưởng.

Quản lý hành chính; quản lý và tự chủ trong việc sử dụng các nguồn tài chính, tài sản của nhà trường theo quy định.

Tổ chức thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; thực hiện xã hội hoá giáo dục, phối hợp tổ chức, huy động các lực lượng xã hội cùng tham gia hoạt động giáo dục, phát huy vai trò của nhà trường đối với cộng đồng xã hội.

Xây dựng môi trường học đường an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường theo quy định của Pháp luật.

Được hưởng chế độ phụ cấp đối với nhà giáo và các chính sách ưu đãi theo quy định.

1. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

- **Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục:** Kế hoạch điều chỉnh, bổ sung phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2023-2028 và tầm nhìn đến năm 2030. KH số 122 ngày 15/6/2024

- **Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục:** Theo QĐ ban hành QC dân chủ số 195/QĐ-THNQ ngày 13/10/2024 của Hiệu trưởng trường TH Ngô Quyền, áp dụng từ năm học 2024- 2025.

- **Các nghị quyết của hội đồng trường:** Có ít nhất 3 lần họp/năm.

- **Quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính:** QĐ về việc phân công nhiệm vụ CBQL, GV, NV. Quy chế làm việc (đã công khai trên website)

- **Chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục:** QC thi đua, khen thưởng, Quy chế HĐ sáng kiến. QC chi tiêu nội bộ.

- **Kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có):** Kế hoạch và thông báo tuyển sinh lớp 1.

I. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng CBQL, giáo viên, nhân viên theo vị trí việc làm và trình độ đào tạo.

ST T	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo				Hạng chức danh			Chuẩn nghề nghiệp		
			Th/s	ĐH	CD	TC	IV	III	II	Tốt	Khá	TB
	Tổng số CBQL, GV, NV	61		40	6	0						
1	Cán bộ QL	3		3				1	2	2	1	
2	Giáo viên	33		30	0	0		9	24	10	23	
	Tiếng Anh	5		5				1	4	2	3	
	Âm nhạc	2			2			2			1	
	Mỹ thuật	2		2				2	2		2	
	Thể chất	3		2			1	1	1		1	

	Tin học	3		2	1			3			3	
	Tổng PT đội	1 (GV)		1				1			1	
3.	Nhân viên	12		1	3	⁸						

2. Số lượng, tỉ lệ CBQL, giáo viên hoàn thành Bồi dưỡng hàng năm theo quy định

Hoàn thành Bồi dưỡng thường xuyên: 46/46 đạt 100%

II. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Diện tích khuôn viên nhà trường: 13.737 m². Trường có một điểm trường, diện tích bình quân 13.737/995 HS đạt 13,80 m²/HS. Như vậy so với yêu cầu tối thiểu còn dư 3,80m²/HS.

*** Khối phòng hành chính quản trị:*

Nội dung	Hiệu trưởng	P. Hiệu trưởng	Văn phòng	P. Bảo vệ	Nhà vệ sinh GV	Khu để xe CBGV	Phòng Đăng, đoàn thể
Số lượng	1	2	1	1	5	2	1

** Khối phòng phục vụ học tập:*

Nội dung	Phòng học	P. Mĩ thuật	P. AN	P. TA	P. Tin học	P. Stem	P. dạy học trực tiếp
Số lượng	30	1	1	1	1	0	1
Thực trạng (Đủ :0 Thừa: +1; Thiếu: -	0	0	0	0	0	-1	-5

** Khối phòng hỗ trợ học tập:*

Nội dung	Phòng thư viện + Kho sách+ đọc sách	Phòng TB-DD	Phòng Tư vấn học đường (y tế)	Phòng Truyền thống	Phòng Đội
Số lượng	3	1	1	1	1
Thực trạng (Đủ :0 Thừa: +1; Thiếu: -	0	0	0	0	1

** Khối phụ trợ*

Nội dung	P. họp (HD)	P. y tế	Hội trường	Không gian văn hóa Bác Hồ	Phòng thư giãn GV	Khu vệ sinh HS	Cổng hàng rào tứ hướng
Số lượng	1	1	1	1	2	6	1
Thực trạng (Đủ :0 Thừa: +1; Thiếu: -1)	0	0	0	0	0	0	0

* Thiết bị dạy học

TT	Tên thiết bị	Tổng số	Hiện trạng		
			Đang sử dụng	Đang hỏng	Chờ thanh lý
1	Máy tính để bàn cho CBQL, NV	1	1	0	0
2	Máy tính để bàn cho dạy học	20	20	0	0
3	Máy tính xách tay cho CBQL, NV	6	6	0	0
4	Máy tính xách tay cho dạy học	7	7	0	0
5	Máy quét (Scanner)	1	1	0	0
6	Máy in (Printer)	6	6	0	0
7	Máy chiếu (Projector)	1	0	1	0
8	Bảng thông minh	1	0	1	0
9	Tivi	24	22	2	2
10	Loa trợ giảng	10	6	4	4
11	Máy quay phim	0	0	0	0
12	Phòng máy vi tính cho dạy học	1	1	0	0
13	Phòng họp trực tuyến	1	1	0	0

* **Sách giáo khoa:** Sử dụng bộ sách Kết nối tri thức

(Thông báo danh mục sách giáo khoa lớp 5 được chọn sử dụng trong trường Tiểu học Ngô Quyền tới Phụ huynh học sinh: Thông báo số 29/TB-THNQ ngày 02/5/2024).

III. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch

cải tiến chất lượng sau tự đánh giá

a. Kết quả tự đánh giá

Năm học 2023-2024, qua quá trình tự đánh giá trường học theo Tiêu chuẩn chất lượng trường tiểu học, nhà trường tự đánh giá đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2.

Có 27/27 tiêu chí đạt mức 2, Có 06/19 tiêu chí đạt mức 3

Cụ thể các tiêu chí đạt mức 2

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Tiêu chí 1.1: Phương Hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Tiêu chí 1.5: Khối lớp và tổ chức lớp học

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính, tài sản Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh Tiêu chí 2.1: Đối với Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, sân chơi, sân tập

Tiêu chí 3.2: Phòng học

Tiêu chí 3.3: Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính quản trị

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Tiêu chuẩn 4: quan hệ giữ nhà trường, gia đình, xã hội

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp Ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục Tiêu chí 5.1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường

Tiêu chí 5.2: Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học
 Tiêu chí 5.3: Thực hiện các hoạt động giáo dục khác

Tiêu chí 5.4: Công tác phổ cập giáo dục tiểu học
 Tiêu chí 5.5: Kết quả giáo dục

Cụ thể các tiêu chí đạt mức 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Tiêu chí 3.3: Khôi phục vụ học tập và khôi phục hành chính quản trị.

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Tiêu chí 5.2: Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học
 Tiêu chí 5.4: Công tác phổ cập giáo dục tiểu học

b. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiêu chí 1.5: GVCN quan tâm rèn nếp tự quản cho HS ngay từ đầu năm học, đặc biệt là HS lớp 1. Tổ chức các hình thức hoạt động trong lớp học linh hoạt sao cho hiệu quả.

Tiêu chí 1.6: Quan tâm công tác tự kiểm tra tài chính, tài sản đạt hiệu quả.
 Tiêu chí 1.7: Khuyến khích, động viên GV tham gia thi GVĐG cấp tỉnh.

Tiêu chí 1.8: Đề ra giải pháp, biện pháp trong KHGD, đảm bảo cụ thể rõ người, rõ việc.

Tiêu chí 1.9: Có biện pháp giúp CBGV NV mạnh dạn đề xuất ý kiến, giải pháp khi tham gia hội họp.

Tiêu chí 1.10: Tổ chức hướng dẫn nhân viên y tế, GV thực hành sơ cứu TNTT cho HS.

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh
 Tiêu chí 2.1: HT tích cực tự bồi dưỡng về CNTT

Tiêu chí 2.2: Nâng tỉ lệ GV đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt.

Tiêu chí 2.4: Quan tâm nâng cao số lượng, chất lượng các cuộc giao lưu trên môi trường mạng cho HS

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Tiêu chí 3.1: Có kế hoạch bổ sung thiết bị, đồ chơi ngoài trời
 Tiêu chí 3.2: Tích cực tham mưu có đủ phòng học bộ môn

Tiêu chí 3.3: Sử dụng hiệu quả khôi phục vụ học tập và khôi phục hành chính quản trị.

Tiêu chí 3.4: Xử lý công thoát nước ngoài cổng trường, đảm bảo không đê

ngập úng khi mưa to/

Tiêu chí 3.5: Giám sát việc sử dụng đồ dùng dạy học của GV, đảm bảo hiệu quả.

Tiêu chí 3.6: Tăng cường bổ sung sách tham khảo cho thư viện

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữ nhà trường, gia đình, xã hội

Tiêu chí 4.1: Đảm bảo công tác phối hợp giữa nhà trường và BDDCMHS trong năm học và cả dịp nghỉ hè.

Tiêu chí 4.2: Tích cực tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương về công tác XHHGD.

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Tiêu chí 5.1: Chỉ đạo cập nhật, điều chỉnh kịp thời KHGD của nhà trường.

Tiêu chí 5.2: Cải tiến việc tổ chức cho HS tham gia các sân chơi, các cuộc giao lưu.

Tiêu chí 5.3: Tổ chức các hoạt động theo quy mô cấp trường để đảm bảo 100% HS được tham gia.

Tiêu chí 5.4: Cải tiến công tác nhập liệu, đảm bảo số liệu chính xác. Tiêu chí 5.5: Giảm tỉ lệ HS lưu ban hàng năm

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm

Tháng 11 năm 2023, trường đánh giá ngoài và công nhận kiểm định cấp độ 2, đạt chuẩn quốc gia mức độ 1.

Sau đánh giá ngoài nhà trường cho xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng (Kế hoạch số 188/KH-THĐĐ ngày 10/10/2023)

Các kế hoạch đều đưa ra các giải pháp và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên hội đồng tự đánh giá. Yêu cầu các nhóm công tác xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng của nhóm mình phụ trách. Chỉ ra những minh chứng cần bổ sung cho những năm tiếp theo. Tiếp tục thu thập minh chứng. Tăng cường công tác tham mưu với các cấp để nâng cao chất lượng các chỉ báo.

IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật.

Tuyển sinh lớp 1: Tuyển sinh 185/185 = 100% trẻ 6 tuổi vào lớp 1

Thống kê từng khối

Khối	Số lớp	Số HS	Nữ	Dân tộc	Số HSKT	Tỉ lệ HS/lớp	Số học sinh bán trú	Ghi chú
------	--------	-------	----	---------	---------	--------------	---------------------	---------

1	6	206	92	2	0	35	120/50	
2	6	182	89	0	1	30,5	120/56	
3	6	174	82	1	0	39	106/51	
4	6	205	111	2	0	33,8	107/54	
5	6	228	108	0	0	38	140/68	
Cộng	19	995	482	16/10	1	34,8	580/279	

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp

Tỷ lệ HS được lên lớp bằng $1025/1054 = 97,24\%$, còn lại 29 học sinh rèn luyện thêm trong hè (so với năm học trước (34HS) tỷ lệ này giảm xuống được 5 em). Sau rèn luyện hè, 2 HS được lên lớp, 27 HS phải ở lại lớp.

c) Tỷ lệ HS được nhà trường tặng giấy khen là $706/1054 = 66,98\%$ (trong đó học sinh xuất sắc là 343 em = 32,54%; tăng 2,8% so với cùng kì năm trước) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình

Chất lượng lớp 5 hoàn thành chương trình tiêu học $152/152 = 100\%$;

V. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo:

- Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí);

+ Các khoản thu, chi từ người học năm học 2023-2024;

TT	Nội dung khoản thu	Mức thu (đồng)	Tổng thu	Tổng chi	Tồn
1	Dạy kỹ năng sống: 1 tiết/tuần*35 tuần)	60.000đ/tiết	462.060.000đ	462.060.000đ	
2	Vệ sinh trường học	90.000đ/hs/năm	90.810.000đ	86.770.000đ	4.040.000đ
3					
4					
5					

- Kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; Không có
- Nguồn thu khác và loại hoạt động (*giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác*). Không có

b) Các khoản chi phân theo:

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm:

- Học phí; Không có
- Lệ phí; Không có
- **Tất cả các khoản thu và mức thu trong năm học 2023-2024:**

TT	Nội dung khoản thu	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)
1	Đạy kỹ năng sống: (1 tiết/tuần*35 tuần)	Đồng/Tiết/học sinh	60.000
2	Vệ sinh trường học	Đồng/Học sinh/năm	90.000Đ
3			
4			
5			

Dự kiến cho năm học 2024-2025:

TT	Nội dung khoản thu	Đơn vị tính	Dự kiến mức thu (đồng)
1	Đạy kỹ năng sống: (1 tiết/tuần*35 tuần)	Đồng/Tiết/học sinh	60.000/th
2	Thu quỹ PHHS		tự nguyện
3	Vệ sinh trường học	Đồng/Học sinh/năm	90.000đ
4			
5			
6			
7			

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học

Đảm bảo HS thuộc hộ nghèo. HS khuyết tật được hưởng chính sách hỗ trợ theo đúng quy định.

Không có học phí

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có): Không có

5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở

- Công khai dự toán ngân sách nhà nước cấp.
- Công khai quyết toán tài chính hằng quý, hàng năm.
- Công khai các khoản thu theo phê duyệt của PGD.
- Công khai Quy chế chi tiêu nội bộ.

VI. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Dạy học Tin học

Có phòng học Tin học với tổng số 35 máy tính được kết nối mạng internet; có máy chủ quản lý máy tính của học sinh

Tổ chức dạy học Tin học cho 100% số lớp, số học sinh toàn trường

2. Dạy tiếng Anh

Trường có 02 giáo viên tiếng Anh có trình độ đại học

Tổ chức dạy tiếng Anh làm quen cho 100% số lớp, số học sinh khối 1,2 Dạy tiếng Anh 4 tiết/tuần cho 100% học sinh khối lớp 3,4,5

3. Dạy kỹ năng sống và tổ chức các hoạt động trải nghiệm ngoại khóa

100% học sinh các khối lớp được học chương trình giáo dục kỹ năng sống (1 tiết/tuần)

Trong năm học, trường đã tổ chức 03 buổi hoạt động ngoại khóa và 01 buổi trải nghiệm ngoài nhà trường nhằm tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh

4. Xây dựng trường học xanh-sạch-an toàn

Xây dựng mô hình công trường an toàn giao thông. Thành lập đội tự quản và đội phát thanh măng non, thường xuyên phát các bản tin tuyên truyền về thực hiện an toàn giao thông và an toàn trường học. Tổ chức các buổi truyền thông về phòng chống tai nạn, thương tích, đuối nước theo hình thức sân khấu hóa. Tổ chức các hoạt động dạy học gắn với lao động sản xuất./.

Nơi nhận:

- CBQL, GV, NV;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Lê Khắc Huệ Long

